

THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

CURRENT FACTORS INFLUENCING THE MANAGEMENT OF STUDENTS' SCIENTIFIC RESEARCH ACTIVITIES

NGUYỄN TẤN DŨNG(*) và HOÀNG NGUYỄN PHƯƠNG(**)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 03-9-2025 Ngày biên tập xong: 24-10-2025 Ngày duyệt đăng: 30-11-2025 Mã số: TCKH54-02-2025 ISSN: 2525 – 2429 Từ khóa: sinh viên; nghiên cứu khoa học; quản lý; các yếu tố ảnh hưởng. Key words: student; scientific research; management; influencing factors.	<i>Bài viết phân tích thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên tại một trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu được triển khai bằng phương pháp kết hợp định lượng và định tính: khảo sát 47 cán bộ quản lý với bảng hỏi Likert 5 mức độ và phỏng vấn sâu. Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 22 thông qua chỉ số điểm trung bình và độ lệch chuẩn. Kết quả cho thấy cả hai nhóm yếu tố bên trong và bên ngoài đều có ảnh hưởng đáng kể đến công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Trong đó, yếu tố bên trong có ảnh hưởng mạnh nhất là “trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu và vai trò hướng dẫn của giảng viên” và yếu tố bên ngoài nổi bật nhất là “bối cảnh hội nhập và yêu cầu chuẩn hóa trong hệ thống giáo dục đại học”. Từ kết quả thực trạng, bài viết cũng đề xuất bốn giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động này.</i> ABSTRACT: This study analyzes the factors influencing the management of students' scientific research activities at a university in Ho Chi Minh City. The study used a mixed-method approach, combining quantitative and qualitative techniques through a survey of 47 administrators and indepth interviews. A five-point Likert scale questionnaire was used for the survey, and the data was processed using SPSS 22 to calculate mean scores and standard deviation. The results indicate that both internal and external factors significantly affect the management of these activities. Among the internal factors, the strongest influence is attributed to “the lecturers' professional qualifications, research competence, and supervisory role”. For external factors, the most prominent one is “the context of international integration and the requirement for standardization in the higher education system”. Based on its findings, this study proposes four measures to enhance the effectiveness of managing students' scientific research activities.

(*) ThS. Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh, dungnt@hufit.edu.vn

(**) TS. Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh, phuongnh@hufit.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, giáo dục đại học Việt Nam đứng trước yêu cầu đổi mới để nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04-11-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã khẳng định: “*Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước*” [1]. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đặt ra nhiều cơ hội và thách thức, các cơ sở giáo dục đại học phải chú trọng không chỉ hoạt động đào tạo và phục vụ cộng đồng mà còn đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học để khẳng định uy tín và nâng cao vị thế.

Theo Luật Giáo dục đại học năm 2018, mục tiêu đào tạo trình độ đại học hướng đến việc hình thành năng lực làm việc độc lập, sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề của sinh viên [9]. Để đạt mục tiêu này, bên cạnh nghiên cứu khoa học của giảng viên, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cần được đặc biệt quan tâm. Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 17-9-2021 đã cụ thể hóa yêu cầu này khi đưa ra quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học [2].

Hoạt động nghiên cứu khoa học mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên, giúp củng cố kiến thức, rèn luyện tư duy phản biện, sáng tạo và kỹ năng nghiên cứu khoa học, đồng thời gắn kết lý thuyết với thực tiễn [3, tr.33-35], [5, tr.83-88], [8, tr.3-9]. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cho thấy hoạt động này còn hạn chế về số lượng và chất lượng; sinh viên chưa thực sự nhận thức đầy đủ ý nghĩa, chưa hứng thú và thiếu động lực tham gia [4, tr.46-49]. Một trong những nguyên nhân chính là công tác quản lý nghiên cứu khoa học của sinh viên ở nhiều trường đại học chưa hiệu quả, còn gặp khó khăn về cơ chế hỗ trợ, đội ngũ hướng dẫn, nguồn lực và môi trường nghiên cứu [6], [7, tr.92-95].

Những năm gần đây, sau những đợt kiểm định chất lượng giáo dục, Trường Đại học A trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh càng nhận thức rõ vai trò then chốt của hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên trong việc nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhà trường đã nỗ lực qua việc cụ thể hóa các quy định, áp dụng chính sách ưu đãi và đầu tư cơ sở vật chất nhưng hoạt động này vẫn còn hạn chế và đang đối mặt với nhiều thách thức. Do đó, việc nghiên cứu, phân tích thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên là yêu cầu cấp thiết. Kết quả nghiên cứu không chỉ giúp làm rõ những thuận lợi, khó khăn trong quản lý, mà còn góp phần đề xuất các giải pháp khả thi, làm nền tảng cho việc xây dựng một chiến lược tổng thể, mang tính đột phá nhằm hướng tới nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu hội nhập của giáo dục đại học hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi triển khai theo quy trình kết hợp cả phương pháp định lượng và định tính. Về dữ liệu định lượng, bảng hỏi khảo sát được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ (từ 1 - Hoàn toàn không ảnh hưởng đến 5 - Rất ảnh hưởng) và gửi cho 47 cán bộ quản lý (bao gồm Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng; Trưởng/Phó các khoa; Trưởng/Phó các bộ môn và Trưởng/Phó các phòng ban chức năng có liên quan) tại một trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Trường Đại học A). Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 22 với các chỉ số cơ bản gồm điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC). Mức ý nghĩa của ĐTB được quy ước như sau: 1.00-1.80 (hoàn toàn không ảnh hưởng); 1.81-2.60 (không ảnh hưởng); 2.61-3.40 (ít ảnh hưởng); 3.41-4.20 (ảnh hưởng); và 4.21-5.00 (rất ảnh hưởng).

Trên cơ sở kết quả phân tích định lượng, nhóm nghiên cứu tiếp tục thực hiện phỏng vấn

sâu với 05 cán bộ quản lý nhằm làm rõ và bổ sung các phát hiện từ khảo sát, qua đó đưa ra những luận giải toàn diện và có chiều sâu hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Toàn bộ thông tin thu thập chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu học thuật, bảo đảm nguyên tắc khách quan, bảo mật và không gây tác động tiêu cực đến hoạt động chung của cơ sở đào tạo. Các dữ liệu khảo sát được phân tích dưới dạng tổng thể, danh tính người tham gia và tên cơ sở giáo dục được giữ kín, chỉ sử dụng ở dạng ẩn danh.

2.2. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

2.2.1. Thông tin về mẫu khảo sát

Trong tổng số 47 cán bộ quản lý tham gia khảo sát, mẫu nghiên cứu thể hiện sự đa dạng về nhân khẩu học và trình độ chuyên môn. Xét về giới tính, nữ giới chiếm tỷ lệ cao hơn (55.32%), trong khi nam giới chiếm 44.68%. Về học hàm, học vị, phần

lớn cán bộ quản lý có trình độ sau đại học, nổi bật là thạc sĩ (65.96%), tiếp đến là tiến sĩ (25.53%), trong khi số lượng phó giáo sư và cử nhân chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ (cùng 4.26%). Về thâm niên công tác, đa số cán bộ quản lý có nhiều kinh nghiệm, với 76.6% đã làm việc từ 10 năm trở lên, trong đó nhóm có trên 20 năm kinh nghiệm chiếm tỷ lệ lớn nhất (40.43%). Xét về chức vụ, có 1 người giữ vị trí Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng (2.13%), 18 người đảm nhận vai trò Trưởng/Phó phòng ban chức năng (38.30%), 8 người là Trưởng/Phó khoa (17.02%) và 20 người giữ chức vụ Trưởng/Phó bộ môn (42.55%). Những đặc điểm này cho thấy mẫu khảo sát có sự cân đối về giới tính, trình độ học vấn cao, thâm niên nghề nghiệp phong phú và đa dạng chức vụ, qua đó bảo đảm tính đại diện và độ tin cậy cho kết quả nghiên cứu.

2.2.2. Thực trạng các yếu tố bên trong ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Bảng 1. Kết quả khảo sát cán bộ quản lý về các yếu tố bên trong ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

STT	Yếu tố	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Chính sách và định hướng chiến lược trong quản lý, phát triển của nhà trường	4.40	.681	3
2	Vai trò tổ chức và hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ phụ trách	4.32	.755	4
3	Trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu và vai trò hướng dẫn của giảng viên	4.57	.542	1
4	Mức độ sẵn sàng tham gia và năng lực thực hiện nghiên cứu khoa học của sinh viên	4.53	.654	2
5	Điều kiện cơ sở vật chất và sự hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu khoa học	4.32	.663	4
6	Môi trường nghiên cứu và học thuật của nhà trường	4.32	.556	4
Tổng cộng		4.41	.458	

Kết quả khảo sát 47 cán bộ quản lý tại Trường Đại học A cho thấy các yếu tố bên trong ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đều được đánh giá ở mức “rất ảnh hưởng” theo quy ước, với ĐTB chung đạt 4.41/5 và ĐLC 0.458. Trong đó, yếu tố “Trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu

và vai trò hướng dẫn của giảng viên” được đánh giá cao nhất (ĐTB = 4.57; ĐLC = 0.542), khẳng định vai trò then chốt của giảng viên trong việc đồng hành, định hướng và hỗ trợ sinh viên nghiên cứu. Tiếp đến là “Mức độ sẵn sàng tham gia và năng lực thực hiện nghiên cứu khoa học của sinh viên” (ĐTB = 4.53;

ĐLC = 0.654), cho thấy động lực, ý thức và năng lực nghiên cứu của người học có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả quản lý hoạt động này. Ba yếu tố còn lại gồm: *“Vai trò tổ chức và hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ phụ trách”*, *“Điều kiện cơ sở vật chất và sự hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu khoa học”* và *“Môi trường nghiên cứu và học thuật của nhà trường”* đều có ĐTB bằng nhau (ĐTB = 4.32), phản ánh mức độ ảnh hưởng tương đối đồng đều. Mặc dù mức đánh giá cao, song kết quả này cũng gợi mở rằng để nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý, nhà trường cần chú trọng đồng bộ ở cả ba yếu tố trên nhằm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ và khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu một cách bền vững.

Dựa trên kết quả khảo sát, nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu để làm rõ hơn các yếu tố bên trong ảnh hưởng đến công tác quản lý nghiên cứu khoa học của sinh viên. Trong đó, yếu tố được đánh giá cao nhất là *“Trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu và vai trò hướng dẫn của giảng viên”* (ĐTB = 4.57). Theo cán bộ quản lý 1: *“Việc yếu tố này được đánh giá cao là hoàn toàn dễ hiểu, bởi phần lớn giảng viên có trình độ chuyên môn vững, có kinh nghiệm nghiên cứu và thường xuyên đồng hành, hỗ trợ sinh viên từ khâu hình thành ý tưởng đến hoàn thiện sản phẩm, qua đó góp phần rèn luyện kỹ năng nghiên cứu cho các em”*. Cán bộ quản lý 2 nhấn mạnh: *“Vai trò của giảng viên giữ vị trí then chốt trong việc truyền cảm hứng nghiên cứu, định hướng và phối hợp cùng sinh viên để tạo ra những kết quả khoa học có giá trị”*. Đối với các yếu tố có mức đánh giá thấp hơn như khả năng tổ chức và hỗ trợ của cán bộ chuyên trách, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí và môi trường học thuật trong nhà trường (cùng ĐTB = 4.32), nhiều ý kiến cho rằng điều này phản ánh đúng thực tế. Cán bộ quản lý 1 nhận xét: *“Điểm số thấp ở nhóm yếu tố này xuất phát từ việc số lượng và chất lượng đề tài chưa nhiều, sinh viên chưa*

thật sự năng động và còn thiếu sự sáng tạo trong quá trình nghiên cứu”. Riêng về đội ngũ cán bộ chuyên trách, cán bộ quản lý 2 chia sẻ: *“Ở cấp khoa, cán bộ còn hạn chế về thời gian lẫn chuyên môn; còn ở cấp phòng ban, công tác quản lý mới dừng lại ở việc triển khai thông báo phong trào, chưa có chính sách hay biện pháp hỗ trợ cụ thể, hiệu quả”*. Cán bộ quản lý 2 bổ sung: *“Cơ sở vật chất và văn hóa học thuật trong trường tuy có ý nghĩa, nhưng chưa thể hiện vai trò quyết định như sự đồng hành trực tiếp của giảng viên hướng dẫn đối với sinh viên”*. Chỉ số kết quả của khảo sát các yếu tố bên trong khẳng định được yếu tố con người vẫn nắm vai trò then chốt trong hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học trong sinh viên nói riêng. Chính sách và định hướng chiến lược trong quản lý, phát triển của nhà trường suy cho cùng cũng do con người đặt ra để con người thực hiện. Do đó, thay vì yêu cầu giảng viên phải đốc thúc sinh viên làm nghiên cứu khoa học thì cần tìm cách kích thích nhu cầu muốn tìm tòi, học hỏi và không ngại khó trong sinh viên theo hướng tích cực hơn. Tuy sinh viên là nhân vật chính trong nghiên cứu khoa học của sinh viên nhưng nếu giảng viên hướng dẫn thiếu kinh nghiệm, thiếu chuyên môn và kiến thức thì khó có thể khơi gợi được khả năng sáng tạo và định hướng tư duy khai phóng cho sinh viên. Trong đó, vai trò của giảng viên trong việc làm gương và tạo động lực nghiên cứu cho sinh viên vô cùng quan trọng. sinh viên phải cảm thấy hứng thú với việc học và nghiên cứu thì mới có sức bền, ý chí lẫn đam mê đối với nghiên cứu khoa học.

2.2.3. Thực trạng các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Kết quả khảo sát 47 cán bộ quản lý cho thấy, các yếu tố bên ngoài đều được đánh giá có mức ảnh hưởng cao đến công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, với ĐTB chung đạt 4.24/5 và ĐLC 0.553.

Trong đó, “*Bối cảnh hội nhập và yêu cầu chuẩn hóa trong hệ thống giáo dục đại học*” được xếp hạng cao nhất (ĐTB = 4.32; DLC = 0.556), phản ánh sức ép hội nhập quốc tế và yêu cầu chuẩn hóa chất lượng đã tác động mạnh mẽ đến công tác quản lý nghiên cứu khoa học. Tiếp đến là “*Chính sách và quy định pháp lý đối với hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên*” (ĐTB = 4.28; DLC = 0.649) và “*Vai trò của chuyển đổi số trong nâng cao hiệu quả quản lý nghiên cứu khoa học*” (ĐTB = 4.26; DLC = 0.675), cho thấy khung pháp lý cũng như tiến trình chuyển đổi số đang đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và hỗ trợ quản lý hoạt động nghiên cứu. Yếu tố có ĐTB thấp nhất

nhưng vẫn ở mức cao là “*Ảnh hưởng của nhu cầu thị trường lao động và sự liên kết với doanh nghiệp*” (ĐTB = 4.13; DLC = 0.679), điều này cho thấy sự gắn kết giữa đào tạo - nghiên cứu - doanh nghiệp tuy đã được quan tâm nhưng vẫn cần được đẩy mạnh hơn để đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Nhìn chung, các yếu tố bên ngoài đều được đánh giá ở mức “ảnh hưởng” đến “rất ảnh hưởng”, thể hiện rằng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên không chỉ chịu tác động từ nội lực bên trong trường đại học mà còn phụ thuộc nhiều vào bối cảnh bên ngoài như chính sách của nhà nước, xu hướng hội nhập, sự phát triển của công nghệ và nhu cầu từ thị trường lao động.

Bảng 2. Kết quả khảo sát cán bộ quản lý về các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

STT	Yếu tố	ĐTB	DLC	Thứ bậc
1	Chính sách và quy định pháp lý đối với hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên	4.28	.649	2
2	Ảnh hưởng của nhu cầu thị trường lao động và sự liên kết với doanh nghiệp	4.13	.679	4
3	Bối cảnh hội nhập và yêu cầu chuẩn hóa trong hệ thống giáo dục đại học	4.32	.556	1
4	Vai trò của chuyển đổi số trong nâng cao hiệu quả quản lý nghiên cứu khoa học	4.26	.675	3
Tổng cộng		4.24	.553	

Nguồn: Tác giả khảo sát, 2025

Để làm rõ hơn quan điểm của cán bộ quản lý về các yếu tố bên ngoài tác động đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, nhóm nghiên cứu đã thực hiện phỏng vấn sâu tại Trường Đại học A. Liên quan đến yếu tố được đánh giá cao nhất, cán bộ quản lý 3 chia sẻ: “*Sở dĩ tiêu chí này có điểm số nổi bật là vì nhà trường đã áp dụng các chuẩn đầu ra, chuẩn chương trình và chuẩn năng lực nghiên cứu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các bộ tiêu chuẩn quốc tế như AUN-QA hay ABET. Hoạt động nghiên cứu được định hướng vào các lĩnh vực công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo và chuyển đổi số. Đồng thời, trường cũng đã và đang đẩy mạnh chiến lược hội nhập thông qua ký kết hợp tác, trao đổi sinh viên với các trường đại học quốc tế và mời giảng viên,*

chuyên gia người nước ngoài tham gia giảng dạy”. Ở một góc nhìn khác, cán bộ quản lý 4 tỏ ra thận trọng: “*Ảnh hưởng của hội nhập và chuẩn hóa trong giáo dục đại học là có, nhưng thực tế ở nhiều trường mới chỉ dừng ở hình thức, thiên về chạy theo thành tích, chưa thật sự chú trọng đến việc nâng cao nội lực và chất lượng bên trong*”. Đối với yếu tố có ĐTB thấp nhất, cán bộ quản lý 5 nhận định: “*Nguyên nhân là vì phần lớn đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên còn mang tính lý thuyết, chưa gắn với nhu cầu thực tiễn, thiếu tính ứng dụng và ít có sự hợp tác từ phía doanh nghiệp. Hơn nữa, hiện vẫn chưa có chính sách rõ ràng để thúc đẩy mối liên kết này, trong khi bản thân sinh viên cũng còn hạn chế về kỹ năng cũng như định hướng nghề nghiệp*”. Cán bộ quản lý 3 bổ sung thêm: “*Các chương trình, dự án hay*

nguồn kinh phí hỗ trợ nghiên cứu khoa học nếu được khai thác tốt sẽ không chỉ khích lệ sinh viên tham gia nghiên cứu, mà còn mở ra cơ hội để kết quả nghiên cứu vượt ra ngoài khuôn khổ học thuật, hướng tới ứng dụng trong thực tiễn". Ý kiến của các cán bộ quản lý làm bật lên nhận thức rõ ràng về mặt mạnh yếu của đơn vị đào tạo trong hoạt động nghiên cứu khoa học và cũng thể hiện được sự mong muốn phát triển nghiên cứu khoa học theo hướng thực thụ đó là tạo những sản phẩm đầu ra có thể đáp ứng tốt cho nhu cầu của xã hội chứ không chỉ đơn giản khuyến khích sinh viên nghiên cứu vì thành tích, vì thứ bậc xếp hạng hay vì các quy định liên quan đến giáo dục và đào tạo.

2.2.4. Đánh giá chung về thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Trong các yếu tố bên trong, *"Trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu và vai trò hướng dẫn của giảng viên"* được đánh giá ảnh hưởng mạnh nhất (ĐTB = 4.57), khẳng định vai trò quan trọng của giảng viên trong định hướng và nâng cao chất lượng nghiên cứu của sinh viên. Tiếp đến, *"Mức độ sẵn sàng tham gia và năng lực thực hiện nghiên cứu khoa học của sinh viên"* (ĐTB = 4.53) cũng có tác động lớn, song nhiều sinh viên còn thiếu kỹ năng thực hành, cần được trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu sớm, đặc biệt từ năm hai. Ở nhóm yếu tố bên ngoài, *"Bối cảnh hội nhập và yêu cầu chuẩn hóa trong hệ thống giáo dục đại học"* có ảnh hưởng cao nhất (ĐTB = 4.32), trong khi *"Ảnh hưởng của nhu cầu thị trường lao động và sự liên kết với doanh nghiệp"* (ĐTB = 4.13) tuy thấp nhưng vẫn rất quan trọng. Do đó, nhà trường cần tăng cường liên kết với doanh nghiệp, tổ chức ngoài trường để nâng cao tính ứng dụng và hiệu quả của các đề tài nghiên cứu của sinh viên.

2.3. Giải pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Từ những kết quả nghiên cứu, một số giải pháp được nhóm tác giả đưa ra nhằm nâng cao

hiệu quả quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên như sau:

2.3.1. Nâng cao chất lượng hỗ trợ và đồng hành của giảng viên với sinh viên trong nghiên cứu khoa học

Giải pháp này được đề xuất xuất phát từ kết quả khảo sát, trong nhóm yếu tố bên trong ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên thì *"Trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu và vai trò hướng dẫn của giảng viên"* là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến hiệu quả quản lý hoạt động này (ĐTB = 4.57).

Mục tiêu: Giải pháp nhằm phát huy vai trò then chốt của giảng viên trong việc định hướng, hướng dẫn và đồng hành cùng sinh viên trong quá trình nghiên cứu khoa học. Việc nâng cao chất lượng hỗ trợ của giảng viên không chỉ giúp sinh viên phát triển năng lực nghiên cứu, tư duy phân biện và kỹ năng học thuật mà còn góp phần trực tiếp cải thiện chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học của sinh viên. Đồng thời, giải pháp cũng hướng tới xây dựng môi trường học thuật gắn kết, trong đó giảng viên là người truyền cảm hứng, khuyến khích sinh viên tích cực tham gia nghiên cứu.

Nội dung thực hiện: Trước hết, cần thiết lập cơ chế phân công hướng dẫn hợp lý, phù hợp với chuyên môn, kinh nghiệm và khối lượng công việc của từng giảng viên nhằm đảm bảo chất lượng và sự công bằng trong hỗ trợ sinh viên. Cơ sở đào tạo cần ban hành cơ chế ghi nhận và quy đổi giờ hướng dẫn nghiên cứu thành giờ giảng dạy hoặc giờ nghiên cứu khoa học để khuyến khích sự tham gia tích cực của giảng viên. Các chính sách khen thưởng, hỗ trợ tài chính hoặc ưu tiên phát triển nghề nghiệp cho giảng viên có thành tích hướng dẫn tốt cũng cần được triển khai. Hoạt động tập huấn kỹ năng hướng dẫn nghiên cứu các buổi nói chuyện chuyên đề chia sẻ kinh nghiệm và công khai kết quả hướng dẫn của giảng viên cũng là nội dung quan trọng để tăng cường tính minh bạch và động lực cho đội ngũ giảng viên lẫn sinh viên.

Cách thức thực hiện: Cơ sở đào tạo cần ban hành quy định rõ ràng về định mức hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học hằng năm, trên cơ sở tham khảo ý kiến giảng viên, khoa chuyên môn và các đơn vị có liên quan. Các đơn vị cần phối hợp chặt chẽ để xây dựng cơ chế quy đổi giờ hướng dẫn, đồng thời tích hợp vào kế hoạch công tác giảng dạy hằng năm. Chính sách khen thưởng cần được thiết kế minh bạch, công khai trên hệ thống thông tin nội bộ, với các tiêu chí cụ thể như nghiệm thu thành công đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, số lượng đề tài, giải thưởng đạt được hoặc công bố học thuật của sinh viên. Các lớp bồi dưỡng kỹ năng hướng dẫn cũng nên được tổ chức thường niên, mời các giảng viên giàu kinh nghiệm và chuyên gia tham gia chia sẻ. Đặc biệt, kết quả hướng dẫn của giảng viên nên được thống kê định kỳ, công khai nội bộ và sử dụng làm căn cứ xét thi đua, đánh giá năng lực và bổ nhiệm.

Điều kiện thực hiện: Để triển khai hiệu quả, cần có sự chỉ đạo thống nhất từ Ban giám hiệu trong việc coi hoạt động hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ quan trọng trong đào tạo đại học. Trường cần đảm bảo nguồn kinh phí ổn định cho việc quy đổi giờ, khen thưởng và tổ chức tập huấn. Đồng thời, phải xây dựng hệ thống quản lý hiện đại để theo dõi, thống kê và công khai kết quả hướng dẫn của giảng viên một cách minh bạch. Các đơn vị chức năng, khoa chuyên môn và phòng ban liên quan cần phối hợp đồng bộ trong việc triển khai, giám sát và hỗ trợ giảng viên. Ngoài ra, việc tạo dựng môi trường học thuật khuyến khích giảng viên và sinh viên cùng nghiên cứu cũng là yếu tố quan trọng để giải pháp này phát huy hiệu quả bền vững.

2.3.2. *Phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên từ sớm*

Kết quả khảo sát cho thấy “*Mức độ sẵn sàng tham gia và năng lực thực hiện nghiên cứu khoa học của sinh viên*” cũng rất ảnh hưởng đến việc quản lý hoạt động nghiên cứu

khoa học của sinh viên tại Trường Đại học A (ĐTB = 4.53). Đây là cơ sở để nhóm tác giả đề xuất giải pháp “*Phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên từ sớm*”.

Mục tiêu: Giải pháp nhằm tạo nền tảng kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên từ giai đoạn đầu quá trình học tập, đặc biệt là từ năm thứ hai. Việc tập huấn sớm giúp sinh viên hình thành tư duy nghiên cứu, nâng cao năng lực học thuật, đồng thời phát hiện, bồi dưỡng những cá nhân có tiềm năng để tham gia các đề tài chất lượng, có khả năng ứng dụng hoặc công bố học thuật.

Nội dung thực hiện: Cơ sở đào tạo cần xây dựng kế hoạch tập huấn định kỳ và có hệ thống, tích hợp vào chương trình đào tạo hằng năm. Nội dung tập huấn được phân hóa theo từng giai đoạn: ở năm hai tập trung vào kỹ năng cơ bản như lựa chọn đề tài, tìm kiếm và trích dẫn tài liệu, xây dựng đề cương; ở các năm sau, chú trọng đến kỹ năng nâng cao như phân tích dữ liệu, viết báo cáo, công bố kết quả nghiên cứu. Bên cạnh đó, các lớp chuyên đề ngắn hạn có thể được tổ chức với nội dung cụ thể như sử dụng phần mềm phân tích định lượng, thiết kế bảng hỏi hay viết bài báo khoa học. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy nên là những người có kinh nghiệm hướng dẫn sinh viên nghiên cứu hoặc các chuyên gia ngoài trường để tăng tính ứng dụng và tính thực tiễn.

Cách thức thực hiện: Phòng phụ trách khoa học công nghệ phối hợp với các khoa chuyên môn thiết kế kế hoạch tập huấn hằng năm và tích hợp vào các học phần kỹ năng hoặc phương pháp nghiên cứu khoa học. Chương trình có thể triển khai dưới nhiều hình thức như trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp, đảm bảo linh hoạt về thời gian và thuận lợi cho sinh viên tham gia. Các lớp học nên có tài liệu đi kèm, thời lượng phù hợp (2-4 buổi) và kết hợp lý thuyết với thực hành. Cơ sở giáo dục đại học cũng có thể ban hành cơ chế khuyến khích như cấp chứng nhận, cộng điểm rèn luyện hoặc ưu

tiên xét duyệt đề tài để khuyến khích sinh viên chủ động tham gia.

Điều kiện thực hiện: Để giải pháp đạt hiệu quả, cần có sự cam kết từ lãnh đạo nhà trường trong việc xem hoạt động tập huấn nghiên cứu khoa học là một phần trong chính sách nâng cao chất lượng đào tạo. Nguồn lực tài chính cần được phân bổ hợp lý cho chi phí giảng dạy, tài liệu, phần mềm và hạ tầng công nghệ. Đồng thời, trường phải xây dựng đội ngũ giảng viên có năng lực nghiên cứu và kỹ năng sư phạm để trực tiếp giảng dạy, kết hợp mời chuyên gia bên ngoài. Cơ sở hạ tầng hỗ trợ như thư viện số, kho học liệu điện tử và hệ thống đăng ký trực tuyến cũng là điều kiện quan trọng để triển khai hiệu quả. Cuối cùng, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị chức năng, khoa chuyên môn và trung tâm hỗ trợ sinh viên trong việc tổ chức, truyền thông và quản lý kết quả tập huấn.

2.3.3. Chuẩn hóa đào tạo và nghiên cứu khoa học của sinh viên theo yêu cầu hội nhập

Giải pháp được đề xuất dựa vào kết quả khảo sát, trong nhóm yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên thì *“Bối cảnh hội nhập và yêu cầu chuẩn hóa trong hệ thống giáo dục đại học”* là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến hiệu quả quản lý hoạt động này (ĐTB = 4.32). Dữ liệu định tính cũng cho thấy, các trường đại học đã và đang áp dụng các chuẩn đầu ra, chuẩn chương trình và chuẩn năng lực nghiên cứu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các bộ tiêu chuẩn quốc tế như AUN-QA hay ABET.

Mục tiêu: Mục tiêu của giải pháp là chuẩn hóa hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của sinh viên theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, từ đó nâng cao uy tín, vị thế của nhà trường trong bối cảnh hội nhập. Đồng thời, việc này giúp sinh viên tiếp cận môi trường học thuật tiên tiến, hình thành năng lực nghiên cứu phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp và xu thế toàn cầu.

Nội dung thực hiện: Nội dung của giải pháp tập trung vào việc triển khai hệ thống

chuẩn đầu ra, chuẩn chương trình đào tạo và chuẩn năng lực nghiên cứu phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các chuẩn kiểm định quốc tế như AUN-QA, FIBAA, ABET... Nhà trường cần tích hợp các tiêu chí chuẩn hóa vào giảng dạy, nghiên cứu và đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo phải được cập nhật định kỳ để bổ sung các nội dung về đổi mới sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng nghiên cứu và công bố quốc tế.

Cách thức thực hiện: Nhà trường cần thành lập hội đồng chuyên trách về chuẩn hóa đào tạo và nghiên cứu, với sự tham gia của ban giám hiệu, các phòng chức năng và khoa chuyên môn. Đồng thời, tổ chức tập huấn cho giảng viên và cán bộ quản lý về chuẩn kiểm định, quản lý chất lượng và xu thế giáo dục quốc tế. Hoạt động hợp tác quốc tế nên được đẩy mạnh để tiếp thu kinh nghiệm, mô hình kiểm định và phương pháp giảng dạy tiên tiến. Kết quả chuẩn hóa và kiểm định cần được đưa vào hệ thống đánh giá nội bộ, coi đây là một tiêu chí quan trọng trong quản lý.

Điều kiện thực hiện: Để triển khai hiệu quả, cần có sự cam kết từ lãnh đạo nhà trường trong việc ưu tiên nguồn lực cho hoạt động chuẩn hóa. Nguồn kinh phí phải được bố trí cho công tác kiểm định, tập huấn, nâng cấp cơ sở vật chất và mở rộng hợp tác quốc tế. Đội ngũ giảng viên cần được bồi dưỡng về phương pháp nghiên cứu hiện đại, kỹ năng chuẩn hóa và kiểm định chất lượng. Bên cạnh đó, cơ chế giám sát, đánh giá định kỳ và công khai kết quả chuẩn hóa sẽ giúp tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong toàn bộ quá trình thực hiện.

2.3.4. Gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên với doanh nghiệp và khởi nghiệp

Dù tiêu chí *“Ảnh hưởng của nhu cầu thị trường lao động và sự liên kết với doanh nghiệp”* có mức đánh giá thấp nhất trong nhóm yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên (ĐTB =

4.13), nhưng kết quả phỏng vấn cho thấy nhiều cán bộ quản lý vẫn xem đây là nội dung quan trọng cần được chú trọng và nâng cao. Do đó, giải pháp đã được nhóm tác giả đề xuất trong bối cảnh đổi mới và hội nhập như hiện nay.

Mục tiêu: Giải pháp này hướng tới việc đưa nghiên cứu của sinh viên gần hơn với yêu cầu thực tiễn từ doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng. Sinh viên có cơ hội vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề cụ thể, phát triển kỹ năng phản biện, tư duy sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề. Giải pháp còn khuyến khích sinh viên tiếp cận phong trào khởi nghiệp, hình thành tinh thần đổi mới sáng tạo và gia nhập vào hệ sinh thái khởi nghiệp của nhà trường cũng như địa phương.

Nội dung thực hiện: Cơ sở đào tạo cần mở rộng hợp tác chiến lược với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ quan nhà nước và tổ chức phi chính phủ nhằm cung cấp tình huống thực tiễn, hỗ trợ dữ liệu nghiên cứu và tạo cơ hội ứng dụng sản phẩm của sinh viên. Các đề tài nghiên cứu khoa học nên được định hướng gắn với nhu cầu thực tế và có khả năng chuyển hóa thành dự án khởi nghiệp. Cần tổ chức các cuộc thi, diễn đàn và hội thảo khoa học có sự tham gia của doanh nghiệp và nhà đầu tư, qua đó sinh viên được phản biện ý tưởng, có cơ hội kêu gọi tài trợ, hợp tác và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Cách thức thực hiện: Để triển khai hiệu quả, cơ sở giáo dục đại học cần giao cho phòng phụ trách khoa học công nghệ hoặc quan hệ doanh nghiệp làm đầu mối kết nối với doanh nghiệp, đồng thời phối hợp cùng các khoa chuyên môn để xây dựng danh mục đề tài gắn với thực tiễn. Việc lồng ghép nội dung khởi nghiệp vào hoạt động nghiên cứu khoa học có thể thực hiện thông qua định hướng đề tài, học phần kỹ năng mềm hoặc các học phần khởi nghiệp. Ngoài ra, các mô hình nghiên cứu - khởi nghiệp tiêu biểu nên được lựa chọn, hỗ trợ pháp lý, tài chính và truyền thông rộng rãi để tạo động lực lan tỏa trong toàn trường.

Điều kiện thực hiện: Hoạt động này đòi hỏi sự chỉ đạo trực tiếp từ lãnh đạo nhà trường cùng cơ chế khuyến khích cụ thể cho giảng viên và sinh viên khi tham gia nghiên cứu ứng dụng hoặc dự án khởi nghiệp. Nguồn lực tài chính cần được bố trí hợp lý, có thể kết hợp từ ngân sách nhà trường, các quỹ hỗ trợ khởi nghiệp hoặc tài trợ doanh nghiệp. Đội ngũ giảng viên và cán bộ hỗ trợ cần được tập huấn về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp để có khả năng tư vấn và đồng hành cùng sinh viên trong quá trình triển khai đề tài. Các sự kiện kết nối như ngày hội ý tưởng, diễn đàn khoa học hay chương trình ươm mầm khởi nghiệp cần được tổ chức thường xuyên, tạo cầu nối hiệu quả giữa sinh viên, doanh nghiệp và nhà đầu tư.

3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố nội tại và bối cảnh bên ngoài đều có tác động tích cực đến công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, trong đó nhóm yếu tố bên trong trường đại học có mức ảnh hưởng nổi trội hơn ($\text{ĐTB} = 4.41$; $\text{ĐLC} = 0.458$) so với nhóm yếu tố bên ngoài ($\text{ĐTB} = 4.24$; $\text{ĐLC} = 0.553$). Điều này chỉ ra rằng những yếu tố liên quan đến tổ chức, điều hành, nguồn lực và con người trong nội bộ nhà trường có vai trò trực tiếp, thường xuyên và quyết định hơn đối với hiệu quả hoạt động nghiên cứu của sinh viên, trong khi các yếu tố bên ngoài chỉ đóng vai trò trong việc tạo áp lực và định hướng phát triển.

Dựa trên kết quả khảo sát thực trạng và phỏng vấn, nhóm nghiên cứu đã đề xuất bốn giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên bao gồm: Nâng cao chất lượng hỗ trợ và đồng hành của giảng viên với sinh viên trong nghiên cứu khoa học; Phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên từ sớm; Chuẩn hóa đào tạo và nghiên cứu khoa học của sinh viên theo yêu cầu hội nhập; Gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên với doanh nghiệp và khởi nghiệp. Trên cơ sở đó, các trường đại học cần khảo sát

nhu cầu, xác định định hướng nghiên cứu phù hợp với chương trình đào tạo và thị trường lao động, bảo đảm thống nhất giữa mục tiêu đào tạo và phát triển hoạt động khoa học công nghệ. Đồng thời, nhà trường cần xây dựng

chính sách khen thưởng giảng viên hướng dẫn, tổ chức tập huấn phương pháp nghiên cứu khoa học cho sinh viên từ năm thứ hai, tăng cường liên kết với doanh nghiệp, viện nghiên cứu để gắn nghiên cứu với thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2021 Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học*, Hà Nội.
- [3] Ngô Thị Bích Thảo (2013), *Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên - Nhân tố góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực ở trường đại học*, số 91, *Tạp chí Khoa học giáo dục*.
- [4] Nguyễn Thị Diễm Hằng & Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2018), *Thực trạng và một số biện pháp nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học cho sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hưng trong đào tạo theo tín chỉ*, số đặc biệt tháng 9/2018, *Tạp chí Giáo dục*.
- [5] Nguyễn Thị Huyền Trang (2020), *Thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh đổi mới hiện nay*, số 11, *Tạp chí Quản lý giáo dục*.
- [6] Nguyễn Thị Huyền Trang (2022), *Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên các trường đại học trong bối cảnh đổi mới giáo dục*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Quản lý giáo dục.
- [7] Nguyễn Văn Tuấn (2019), *Một số giải pháp quản lý nhằm thúc đẩy sinh viên đại học tham gia nghiên cứu khoa học*, số đặc biệt tháng 4, *Tạp chí Giáo dục*.
- [8] Vũ Công Thương (2021), *Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên - Một số vấn đề cần quan tâm*, số 76, *Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn*.
- [9] Quốc hội (2018), *Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*, Hà Nội.